

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sơn
2. Bà Đinh Thị T Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 324/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1996 và ông Ngô Nhật T, sinh năm 1995, cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B. (văn bản ủy quyền ngày 14/5/2024).

2. *Bị đơn:* Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B..

Ông Tân có mặt tại phiên tòa, ông Khôi và bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai của bà Nguyễn Thị C và tại phiên tòa ông Ngô Nhật Tân trình bày:

Bà C có cho bà Phan Thị T vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/4/2023 âm lịch, nhằm ngày 07/6/2023 dương lịch, bà C mượn tiền của ông Nguyễn Văn Chí Tâm, sau đó bà C dùng số tiền đã vay của ông Tâm để cho bà T vay lại với số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 20/4/2023 âm lịch, nhằm ngày 07/6/2023 dương lịch, bà C mượn tiền của ông Trần Công Minh, sau đó bà C dùng số tiền đã vay của ông Minh để cho bà T vay lại với số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng.

Hai bên thoả thuận lãi suất của hai lần vay này là 1.050.000 đồng/tháng của số tiền gốc 25.000.000 đồng, tương đương 4,25%/tháng.

Lần 3: Ngày 20/4/2023 âm lịch, nhằm ngày 07/6/2023 dương lịch, bà C cho bà T vay số tiền vay gốc là 2.800.000 đồng.

Lần 4: Ngày 26/6/2023 âm lịch, nhằm ngày 06/8/2023 dương lịch bà C cho bà T vay số tiền vay gốc là 2.100.000 đồng.

Hai bên thoả thuận lãi suất của hai lần vay sau là 0,83%/tháng.

Hai bên không thoả thuận thời hạn vay là khi nào, bà T chỉ nói khi nào có tiền thì trả. Bà T nói cho bà Chính biết bà vay số tiền này là để phục vụ cho gia đình. Thoả thuận vay tiền giữa hai bên không có lập thành hợp đồng vay công chứng chứng thực, hai bên chỉ lập giấy viết tay chốt số tiền hui và tiền nợ vay mà bà T còn nợ bà C, là tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm” giữa chủ hui Nguyễn Thị C và hui viên Phan Thị T mà bà C đã nộp cho Toà án. Bà T có ký tên xác nhận số tiền nợ hui và nợ vay còn nợ bà C vào dưới nội dung hui viên ở cuối tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm”, trong đó số tiền nợ hui là 184.606.000 đồng, tiền nợ vay là 29.900.000 đồng, tổng cộng là 214.506.000 đồng.

Sau khi chốt số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là 214.506.000 đồng bà C nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ, bà T nhiều lần hứa trả nhưng không thực hiện. Bà Chính đã khởi kiện bà T đối với số tiền nợ hui 184.606.000 đồng và đã được Toà án giải quyết xong tại Bản án số 19/2024/DS-ST ngày 14/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, buộc bà T trả cho bà Chính số tiền nợ hui là 184.606.000 đồng, bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả tiền cho bà Chính. Đối với số tiền nợ vay 29.900.000 đồng thì trước đây do bà T hứa trả nên bà Chính không kiện, nhưng sáu đó bà T không thực hiện lời hứa. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 07/8/2023 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024 bà Phan Thị T trình bày:

Cuối năm 2022 bà T có thiếu bà C số tiền nợ hui 45.000.000 đồng. Bà C có nói chuyển số tiền hui qua thành nợ vay, hàng tháng bà T phải trả lãi cho bà C. Sau đó bà T trả dần tiền lãi và tiền gốc cho bà C, đến nay bà T chỉ còn nợ bà C số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng. Những lần bà C nêu trong đơn cho rằng bà T có mượn tiền của bà C là không đúng, bà không đồng ý với các mốc thời gian mà bà C nêu trong đơn. Những

lần trả tiền cho bà C thì bà T có ký vào sổ của bà C, bà T không có giữ giấy tờ gì chứng minh việc giao nhận tiền. Trước đây bà T có chơi hụi của bà C, việc ghi hụi, nhận hụi như thế nào do bà C ghi chép sổ, bà T không nắm rõ cũng không biết C xác thiếu bao nhiêu nhưng với số tiền mà bà C kiện bà T trong vụ án này thì bà T thừa nhận chỉ còn nợ bà C 15.000.000 đồng, bà T nhớ rõ là như vậy, còn giấy tờ chứng minh thì bà T không có. Chữ Phan Thị T ở cuối tờ “Tiền hụi và tiền mượn hỏi dùm” là do bà T ký, bà C kêu ký thì ký chứ không có đọc lại nội dung. Bà T chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền nợ 15.000.000 đồng nhưng xin cho thời gian trả dần vì hiện nay bà T không có khả năng trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C thì xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết vụ án: Bị đơn Phan Thị T có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp M, xã H, huyện N, tỉnh B.. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Về tư cách đương sự tham gia tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C thì xác định bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn, bà Phan Thị T là bị đơn; đối với ông Nguyễn Văn Chí T và ông Trần Công M thì theo nội dung đơn khởi kiện của bà C và văn bản nêu ý kiến của ông Tâm và ông Minh trình bày thống nhất việc bà C mượn tiền của ông T và ông M để cho bà T vay lại, ông T và ông M cũng xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này nên xác định ông T và ông M không có liên

quan gì trong vụ án này và không phải là đương sự trong vụ án nên Toà án không đưa ông T và ông M vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bà Phan Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ vay của nguyên đơn Nguyễn Thị C:

Tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả cho bà C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình thì bà Chính cung cấp chứng cứ là tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm”, có chữ ký xác nhận nợ của bà T bên dưới nội dung “Hui viên” ở cuối tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm”. Tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm” trong đó có nội dung:

“ cộng hui chung tất cả 184.606.000

20-4-2023, có mượn tôi hỏi Nguyễn Văn Chí Tâm (10.000.000)

20-4-2023, có mượn tôi hỏi dùm của Trần Công Minh (15.000.000)

Cùng ngày nêu trên mượn tôi 2.800.000

Tới 20-6-2023 bà T kêu tôi cho mượn đóng lãi 2 phần tiền trên là 2.100.00

29.900.000

Hui và tiền mượn cộng chung là 184.606.000 + 29.900 = 214.506.000

Cộng chung: 214.506.000

Chủ hui Nguyễn Thị C

Hui viên Phan Thị T”

Bà T thừa nhận chữ Phan Thị T ở cuối tờ “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm” là do bà T ký, bà Than trình bày do bà C kêu ký thì ký chứ không có đọc lại nội dung. Bà T cho rằng cuối năm 2022 bà T có thiếu bà C số tiền nợ hui 45.000.000 đồng, hai bên thống nhất chuyển số tiền hui qua thành nợ vay. Sau đó bà T trả dần tiền lãi và tiền gốc cho bà C, đến nay bà T chỉ còn nợ bà C số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng. Bà T không đồng ý với các mốc thời gian mà bà C nêu trong đơn. Bà T xác định hiện chỉ còn nợ bà C số tiền nợ 15.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền 15.000.000 đồng cho bà C. Tuy nhiên, bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà T là có căn cứ; bà C cũng không thừa nhận lời trình bày của bà T; bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T bị ép buộc hay không tự nguyện ký tên vào “Tiền hui và tiền mượn hỏi dùm”. Từ đó có cơ sở xác định giữa bà C và bà T có giao dịch vay tài sản và hiện bà T còn nợ bà C số tiền nợ vay gốc tổng cộng là 29.900.000 đồng. Do đó, bà C yêu cầu bà T trả cho bà C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Bà C yêu cầu bà T trả tiền lãi trên số

tiền nợ vay gốc còn nợ là 29.900.000 đồng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử là ngày 12/9/2024. Theo nhận định tại mục [2.1] có cơ sở xác định bà T có vay của bà Chính số tiền vay gốc là nợ 29.900.000 đồng, đến nay bà T vẫn chưa trả được số nợ này nên việc bà C. Bà Chính trình bày khi vay các bên có thoả thuận về lãi suất, mức lãi suất của hai khoản vay đầu là 4,2%/tháng, hai khoản vay sau là 0,83%/tháng; bà T không đồng ý với mốc thời gian và lời trình bày của bà Chính và cho rằng có đóng lãi cho bà Chính nhưng không được phía bà Chính thừa nhận, bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất và số tiền lãi đã đóng cho bà Chính là bao nhiêu. Do các bên trình bày không thống nhất về mức lãi suất thoả thuận, có tranh chấp về lãi suất nên theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Do đó, mức lãi suất mà bà C yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 07/8/2023 đến ngày 12/9/2024 như sau: 29.900.000 đồng x 0,83%/tháng x 13 tháng 06 ngày = 3.275.000 đồng.

[2.3] Về thời hạn trả nợ: Bà T yêu cầu được trả dần số tiền nợ bà C nhưng không được bà C đồng ý. Bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thoả thuận việc bà T được trả dần số nợ hàng tháng hay trả nợ thành nhiều lần và việc trả dần nợ mà bà T yêu cầu thuộc giai đoạn thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng và tiền lãi là 3.275.000 đồng, tổng cộng là 33.175.000 đồng.

Các đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.658.000 đồng.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C cụ thể:

1. Buộc bà Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ vay gốc là 29.900.000 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng) và tiền lãi là 3.275.000 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), tổng cộng là 33.175.000 đồng (ba mươi ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Phan Thị T có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.658.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 802.000 đồng (Tám trăm lẻ hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005459 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cho bà Nguyễn Thị C.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(3b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

